

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch
Ông Lê Doãn Long	Thành viên
Ông Hoàng Tất Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Lê Duy Dương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Doãn Long	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kiều Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị,




Lê Đoàn Long
Tổng Giám đốc/Thành viên Hội đồng
Quản trị

Ngày 09 tháng 03 năm 2020



Số: 0595 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Xuân Ánh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 03 năm 2020

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

A blue handwritten signature of Nguyễn Tiến Quốc.

Nguyễn Tiến Quốc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3008-2019-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.963.313.089	56.312.419.626
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	33.548.085.227	29.463.870.096
1. Tiền	111		11.548.085.227	28.463.870.096
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	20.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.585.411.125	23.941.925.359
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	22.439.379.841	22.665.795.124
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	634.800.000	1.508.165.962
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.841.226.285	743.855.424
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.329.995.001)	(975.891.151)
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.463.009.318	2.863.945.871
1. Hàng tồn kho	141		2.463.009.318	2.863.945.871
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		366.807.419	42.678.300
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	338.675.257	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	28.132.162	42.678.300
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		177.945.890.648	200.358.719.081
I. Tài sản cố định	220		163.301.816.481	181.634.003.839
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	163.176.460.181	181.429.475.139
- Nguyên giá	222		513.447.332.259	503.831.331.663
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(350.270.872.078)	(322.401.856.524)
2. Tài sản cố định vô hình	227		125.356.300	204.528.700
- Nguyên giá	228		395.862.000	395.862.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(270.505.700)	(191.333.300)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		182.700.000	90.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		182.700.000	90.000.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	4.860.000.000	4.860.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.860.000.000	4.860.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		9.601.374.167	13.774.715.242
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	9.601.374.167	13.774.715.242
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		257.909.203.737	256.671.138.707

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.533.571.817	24.861.444.426
I. Nợ ngắn hạn	310		33.533.571.817	24.861.444.426
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.566.481.752	6.783.749.676
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.809.558.198	212.745.647
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.096.666.087	1.379.392.813
4. Phải trả người lao động	314		12.718.285.369	11.051.827.377
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	9.372.710.050	2.581.619.688
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.391.889.345	1.594.648.447
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.577.981.016	1.257.460.778
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		224.375.631.920	231.809.694.281
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	224.375.631.920	231.809.694.281
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.172.000.000	215.172.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.172.000.000	215.172.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.203.631.920	16.637.694.281
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		352.368.905	553.232.401
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.851.263.015	16.084.461.880
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		257.909.203.737	256.671.138.707


Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng




Lê Đoàn Long
Tổng Giám đốc/ Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ngày 09 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	20	178.410.510.041	174.730.397.825
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		178.410.510.041	174.730.397.825
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	21	153.653.401.796	140.443.514.891
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24.757.108.245	34.286.882.934
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.571.062.377	1.453.204.111
7. Chi phí tài chính	22		64.738.555	84.315.222
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	56.090.813
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	17.556.691.386	17.627.094.935
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		9.706.740.681	18.028.676.888
10. Thu nhập khác	31	25	1.955.394.987	2.221.684.390
11. Chi phí khác	32		592.781.947	171.504.486
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.362.613.040	2.050.179.904
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.069.353.721	20.078.856.792
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	2.218.090.706	3.994.394.912
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		8.851.263.015	16.084.461.880
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	411	591


Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng




Lê Doãn Long
Tổng Giám đốc/ Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ngày 09 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.069.353.721	20.078.856.792
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	29.239.642.499	31.556.614.394
Các khoản dự phòng	03	530.379.562	(168.715.131)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.571.062.377)	(2.646.092.751)
Chi phí lãi vay	06	-	56.090.813
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	38.268.313.405	48.876.754.117
Thay đổi các khoản phải thu	09	540.200.563	(1.074.868.126)
Thay đổi hàng tồn kho	10	400.936.553	(734.349.132)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.404.513.899	2.810.934.692
Thay đổi chi phí trả trước	12	(145.931.410)	(3.491.281.869)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(56.090.813)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.641.749.314)	(3.042.447.472)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.761.887.138)	(2.103.104.982)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.064.396.558	41.185.546.415
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.926.857.913)	(11.042.167.798)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.192.888.640
3. Tiền chi cho đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23	(20.000.000.000)	-
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.856.996.486	1.453.204.111
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.069.861.427)	(8.396.075.047)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	8.194.656.218
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(8.194.656.218)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.910.320.000)	(17.213.760.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.910.320.000)	(17.213.760.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	4.084.215.131	15.575.711.368
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	29.463.870.096	13.888.158.728
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	33.548.085.227	29.463.870.096


Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập


Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng


Lê Đoàn Long
Tổng Giám đốc/ Thành
viên Hội đồng Quản trị

Ngày 09 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh theo Quyết định số 749/NQ-HHVN ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội đã thông báo kết quả bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh. Vốn điều lệ của Công ty sau khi cổ phần hóa là 215.172.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325068 ngày 01 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, với vốn điều lệ là 215.172.000.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 472 (31 tháng 12 năm 2018: 504).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 10, đường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường thủy;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình giao thông, cảng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, điện năng (đường dây và trạm biến áp dưới 35KV);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các mặt hàng cơ khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, sắt thép, phế liệu, hàng lâm sản, thổ sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh khí hóa lỏng (gas);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra ngoài cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng; Dịch vụ cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển; Dịch vụ tàu biển, thu gom hàng hoá;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy đến 400 tấn; Phá dỡ tàu thủy, phương tiện thiết bị cũ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi và kho quan ngoại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Nghệ An, Việt Nam	36	36	Cung cấp dịch vụ lai dắt và dịch vụ hàng hải

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo

cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Phương tiện vận tải và thiết bị	05 - 20
Máy móc, thiết bị truyền dẫn	05 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm tài sản, và chi phí nạo vét, chi phí sửa chữa bãi sau cầu 4 Cảng Cửa Lò và chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	365.403.903	134.683.243
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.182.681.324	28.329.186.853
Các khoản tương đương tiền (i)	22.000.000.000	1.000.000.000
	<u>33.548.085.227</u>	<u>29.463.870.096</u>

- (i) Tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò (ii)	4.860.000.000	-	4.860.000.000	-
Cộng	4.860.000.000	-	4.860.000.000	-

- (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên Đại Dương với lãi suất lần lượt là 5,5% và 6,2%/năm.
- (ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết phản ánh khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò với tỷ lệ sở hữu 36%, tương đương số tiền 4.860.000.000 VND thông qua ba hình thức góp vốn bằng tiền mặt, hàng hóa và tài sản theo Giấy chứng nhận phần vốn góp ngày 23 tháng 5 năm 2016. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò là kinh doanh dịch vụ lai dắt hỗ trợ tàu biển ra vào Cảng Cửa Lò.

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty liên kết trong năm:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 29.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Nhật Việt	7.449.785.673	7.036.094.867
Công Ty Cổ Phần Vận Tài Biển GLS	2.859.859.524	2.314.501.678
Công ty Cổ phần khoáng sản Namico	1.022.777.590	1.022.777.590
Công ty Cổ Phần Vận Tài 1 TRACO	1.653.018.120	1.293.866.109
Công ty Vận tải Quốc tế Mê Kong	1.482.807.451	1.734.454.990
Các khách hàng khác	7.971.131.483	9.264.099.890
	22.439.379.841	22.665.795.124

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Nghệ An	384.800.000	-
Cơ sở II Trường Đại học Lao động - Xã hội	180.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng THT	-	1.032.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phúc Trần	-	240.240.000
Công ty Luật TNHH MTV Việt Phúc	70.000.000	70.000.000
Các nhà cung cấp khác	-	165.925.962
	634.800.000	1.508.165.962

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	632.755.556	5.066.667
Chi phí khắc phục sự cố (i)	374.344.489	374.344.489
Phải thu khác	834.126.240	364.444.268
	1.841.226.285	743.855.424

- (i) Phản ánh số tiền dự kiến được bồi thường từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội liên quan tới sự cố gây cần cầu chân đế số 1 Xí nghiệp xây dựng Cửa Lò theo Công văn số 1027/2017/CV-BSH-QLNV II ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc phương án giải quyết tổn thất cần trục của Công ty tại Cảng Cửa Lò.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian
Công ty TNHH Bắc Sơn	289.444.738	-	Trên 3 năm	289.444.738	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Khoáng sản Namico	1.022.777.590	492.398.028	Từ 1 đến 2 năm	1.022.777.590	1.022.777.590	Dưới 1 năm
Các khách hàng khác	510.170.701	-	Trên 3 năm	686.446.413	-	Trên 3 năm
	1.822.393.029	492.398.028		1.998.668.741	1.022.777.590	

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.092.494.139	-	2.518.619.113	-
Công cụ, dụng cụ	370.515.179	-	345.326.758	-
Cộng	2.463.009.318	-	2.863.945.871	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	285.669.690	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	53.005.567	-
	338.675.257	-
a) Dài hạn		
Chi phí tư vấn và nạo vét vũng đậu tàu	5.493.626.269	6.349.775.809
Chi phí sửa chữa bãi sau cầu 4 Cảng Cửa Lò	-	3.759.452.938
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.107.747.898	3.665.486.495
	9.601.374.167	13.774.715.242

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp/bù trừ	
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	42.678.300	347.305.793	323.991.493	19.364.000
Các loại thuế khác	-	166.853.329	175.621.491	8.768.162
	42.678.300	514.159.122	499.612.984	28.132.162
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	394.339.279	13.019.423.267	12.878.491.385	535.271.161
Thuế thu nhập doanh nghiệp	985.053.534	2.218.090.706	2.641.749.314	561.394.926
Các loại thuế khác	-	2.097.129.904	2.097.129.904	-
	1.379.392.813	17.334.643.877	17.617.370.603	1.096.666.087

10/11/2011

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	294.332.941.357	91.302.101.668	633.636.363	107.969.022.959	9.593.629.316	503.831.331.663
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn	-	-	-	-	257.652.913	257.652.913
Mua sắm mới	-	-	136.705.000	4.002.000.000	2.530.500.000	6.669.205.000
Tăng khác (*)	3.980.597.228	-	-	-	-	3.980.597.228
Tháo dỡ tài sản cố định	(1.194.600.000)	-	(96.854.545)	-	-	(1.291.454.545)
Phân loại lại	-	(77.153.347.447)	-	77.153.347.447	-	-
Số dư cuối năm	297.118.938.585	14.148.754.221	673.486.818	189.124.370.406	12.381.782.229	513.447.332.259
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	226.703.980.252	15.016.331.653	272.411.976	75.664.440.491	4.744.692.152	322.401.856.524
Trích khấu hao trong năm	14.062.219.627	729.527.999	97.280.057	13.061.083.991	1.210.358.425	29.160.470.099
Tháo dỡ tài sản cố định	(1.194.600.000)	-	(96.854.545)	-	-	(1.291.454.545)
Phân loại lại	-	(7.029.527.211)	-	7.029.527.211	-	-
Số dư cuối năm	239.571.599.879	8.716.332.441	272.837.488	95.755.051.693	5.955.050.577	350.270.872.078
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	67.628.961.105	76.285.770.015	361.224.387	32.304.582.468	4.848.937.164	181.429.475.139
Tại ngày cuối năm	57.547.338.706	5.432.421.780	400.649.330	93.369.318.713	6.426.731.652	163.176.460.181

(*) Tăng khác trong năm là khoản điều chỉnh theo kiến nghị của đoàn Thanh tra Bộ Tài chính theo Quyết định số 95/QĐ-TTr ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc phân loại lại chi phí sửa chữa bãi sau cầu số 04 Cảng Cửa Lò từ Chi phí trả trước dài hạn sang Tài sản cố định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 126.002.906.385 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 70.033.384.233 VND).

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND	Giá trị	VND
		Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Kho vận Nhật Việt Nghệ An	3.689.945.601	3.689.945.601	4.254.400.700	4.254.400.700
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành	444.141.951	444.141.951	-	-
Công ty TNHH Vận tải Biển Bạch Đằng	-	-	2.032.552.500	2.032.552.500
Phải trả cho các đối tượng khác	432.394.200	432.394.200	496.796.476	496.796.476
	4.566.481.752	4.566.481.752	6.783.749.676	6.783.749.676

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thuê bến số 05 cảng Cửa Lò	6.513.698.490	-
Chi phí hỗ trợ nạo vét luồng vào cảng cá	2.500.000.000	2.500.000.000
Chi phí khác	359.011.560	81.619.688
	9.372.710.050	2.581.619.688

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm thất nghiệp	-	168.198.732
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.391.889.345	1.426.449.715
	1.391.889.345	1.594.648.447

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	215.172.000.000	21.100.884.401	236.272.884.401
Lợi nhuận trong kỳ	-	16.084.461.880	16.084.461.880
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(3.333.892.000)	(3.333.892.000)
Chi trả cổ tức	-	(17.213.760.000)	(17.213.760.000)
Số dư đầu năm nay	215.172.000.000	16.637.694.281	231.809.694.281
Lợi nhuận trong kỳ	-	8.851.263.015	8.851.263.015
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(3.375.005.376)	(3.375.005.376)
Chi trả cổ tức (i)	-	(12.910.320.000)	(12.910.320.000)
Số dư cuối năm nay	215.172.000.000	9.203.631.920	224.375.631.920

(i) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi trả cổ tức theo Nghị quyết số 01-19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019. Cổ tức đã được thực hiện chi trả trong năm 2019.

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.517.200	21.517.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>21.517.200</i>	<i>21.517.200</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.517.200	21.517.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>21.517.200</i>	<i>21.517.200</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	298.102	1.124.457

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ Bốc xếp hàng hóa. Trong năm, hoạt động sản xuất, kinh doanh khác tại đơn vị không trọng yếu; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

20. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	166.271.320.780	159.365.240.444
Doanh thu dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	12.139.189.261	15.365.157.381
	178.410.510.041	174.730.397.825
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 28)	230.100.000	248.898.500

21. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	142.284.263.804	126.492.434.788
Giá vốn dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	11.369.137.992	13.951.080.103
	153.653.401.796	140.443.514.891

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.330.994.871	23.616.717.173
Chi phí nhân công	58.473.114.069	61.113.625.262
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.239.642.499	31.556.614.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.673.263.309	32.270.476.483
Chi phí khác bằng tiền	10.493.078.434	9.513.176.514
	171.210.093.182	158.070.609.826

23. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	951.150.847	891.454.846
Lãi tiền gửi	1.533.534.528	511.497.183
Doanh thu hoạt động tài chính khác	86.377.002	50.252.082
	2.571.062.377	1.453.204.111

- (i) Phản ánh cổ tức được chia tại khoản đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò.

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.037.918.082	7.734.906.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	790.014.180	790.014.180
Trích lập/(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	530.379.562	(168.715.131)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.574.024.809	1.831.747.061
Chi phí bằng tiền khác	7.366.884.633	6.977.534.271
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	257.470.120	461.608.434
	17.556.691.386	17.627.094.935

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập từ thưởng của các hợp đồng kinh tế	1.061.535.097	-
Tiền phạt thu được	-	12.427.500
Các khoản khác	893.859.890	2.209.256.890
	1.955.394.987	2.221.684.390

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.092.381.432	3.899.254.352
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành năm nay	125.709.274	95.140.560
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.218.090.706	3.994.394.912

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.069.353.721	20.078.856.792
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Trừ: thu nhập không chịu thuế	(951.150.847)	(891.454.846)
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	343.704.286	308.869.814
Thu nhập chịu thuế	10.461.907.160	19.496.271.760
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.092.381.432	3.899.254.352
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.092.381.432	3.899.254.352

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.851.263.015	16.084.461.880
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.375.005.376)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.851.263.015	12.709.456.504
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.517.200	21.517.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	411	591

Như đã trình bày ở thuyết minh số 17, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2019 ngày 16 tháng 5 năm 2019 đã thông qua phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018 của Công ty, dẫn đến việc trình bày lại số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018, cụ thể như sau:

	2018	2018
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.084.461.880	16.084.461.880
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.375.005.376)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.084.461.880	12.709.456.504
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.517.200	21.517.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	748	591

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận năm 2019 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2019, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm 2019 sẽ giảm đi tương ứng.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Lai dặt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Lai dặt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò		
Bán hàng và dịch vụ	230.100.000	248.898.500
Nhận cổ tức	951.150.847	891.454.846
Trà cổ tức		
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	6.584.263.200	8.779.017.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	2.336.493.600	3.115.324.800

Cơ sở xác định giá của giao dịch mua hàng và bán hàng với các bên liên quan được hình thành trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng.

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.180.964.000	1.055.566.000

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài sản số 296/HĐ/2018 ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty và Công ty TNHH Cảng Cửa Lò về việc Công ty thuê tài sản kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng số 5 – Cảng Cửa Lò để vận hành, khai thác. Thời hạn thuê là 36 tháng, tính từ ngày hai bên ký kết biên bản bàn giao tài sản cho thuê. Tổng giá trị hợp đồng là 60 tỷ VND, trong đó giá thuê của 12 tháng đầu tiên là 15 tỷ VND, giá thuê của 12 tháng tiếp theo là 20 tỷ VND và giá thuê của 12 tháng cuối cùng là 25 tỷ VND. Theo đó, đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có khoản phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài sản này như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	19.726.027.537	-
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	26.260.273.973	-
	45.986.301.510	-

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 384.800.000 VND, là số tiền trả trước cho người bán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.


Tiền lãi tiền gửi đã thu trong năm không bao gồm 632.755.556 VND (năm 2018: 5.066.667 VND), là số doanh thu lãi tiền gửi đã phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán từ ngân hàng. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng



Lê Đoàn Long
Tổng Giám đốc/ Thành
viên Hội đồng Quản trị

Ngày 09 tháng 03 năm 2020

